

CON ĐƯỜNG CỦA ĐỨC THẾ TÔN

Treân loàitrình ñeàn Chành ñeàn Chành giac, không một hạt vi trần
nao trong ba ngàn ñai thiên theáigiòii ma trong ñoàngòii ta không
tìm thay dấu chân của Ñoài Theátôn.

MINH THÔNG

Mỗi lần đọc đến phần viết về những ngày cuối cùng của Đức Thế Tôn, không lần nào tôi có thể cầm được nước mắt. Nước mắt có thể không thấy rơi, nhưng tôi đã khóc ngất từ trong lòng, cổ tôi như nghẹn hẳn lại. Tôi xúc động không phải vì Đức Thế Tôn, một vị thầy của cõi Trời và Người, một đấng Kim cương bất hoại, một đấng Thượng Y Vương mà lại phải đau ốm rồi bỏ xác ở tuổi tám mươi. Người ta có thể nói nhiều thứ khác nhau, giải thích nhiều kiểu khác nhau để cho rằng Ngài không chết. Nhưng nói thế nào thì nói, thực tế vẫn là nhục thân của Ngài được đưa lên giàn thiêu và để lại xá lợi. Luật vô thường đã tác động một cách vô tư đến mức lạnh lùng. Hữu thân hữu hoại. “*Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường*”.

Tôi thật sự xúc động trước tấm gương vĩ đại của Ngài. Một tấm gương mà càng đi sâu quán niệm càng thấy diệu kỳ. Một đời giản đơn, tận tụy, đầy đức hạnh ngời sáng không một chút giả dối, kịch bản, đầy triết lý sâu xa vượt ngoài mọi tri thức thông thường.

Đức Thế Tôn, một con người cũng như tôi, đơn giản là cũng có cha, có mẹ, cũng ăn học, lớn lên và lập gia đình, có vợ, có con. Ngài có nhiều phúc đức nên được sinh ra trong hoàng cung và sống đời nhung lụa từ thuở lọt lòng. Khía cạnh này, một mặt là hoa trái vô tư của luật nhân quả, gieo hạt lành thì hưởng quả ngọt; mặt khác, quả vị ngọt ngon này lại chính là bẫy rập cuộc đời. Sống trong nhung lụa người ta có thể ngụp lặn và chết đuối trong vinh hoa phú quý để mãi mãi luân hồi vẫn cứ luân hồi. Những ai biết

vun bồi phúc đức và đang hưởng vị ngọt ngon của hoa trái phúc đức không được lơ là với thứ bẫy rập mượt mà kiêu diễm này. Ý chí thoát ly tham dục để dàng bị thui chột để cuối cùng được thay thế hoàn toàn bằng tư tưởng hưởng thụ lạc thú trần gian, vợ đẹp con ngoan, uy quyền bề thế. Kết quả là sau khi lia bỏ xác thân, chúng ta lại nhanh chân tìm một xác thân khác để thay thế hầu mau được hưởng thêm những lạc thú trần gian khác.

Như một hoa sen vươn mình lên khỏi lớp bùn nhờ nhớp tỏa hương thơm ngào ngạt khắp muôn phương, từ tột đỉnh của xa hoa vật chất Ngài đã bước vào tột cùng của cuộc sống kham khổ để tìm cầu chân lý tối thượng cho bản thân và cho tất cả các loài chúng sinh từ hữu hình đến vô hình. Sáu năm khổ hạnh là sáu năm mà nếu không có

một ý chí kiên cường, bất khuất siêu việt thì không thể nào có thể vượt thắng được. Đã có những ngày tháng Ngài lang thang trong rừng sâu, không một mảnh vải che thân, thấy người là chạy trốn, thức ăn chỉ có hoa trái và lá cây. Để rồi cuối cùng, cả hoa trái và lá cây Ngài cũng không còn ăn nữa. “*Vì thiếu vật thực những bộ phận lớn nhỏ trong người tôi ốm gầy không khác nào những cọng cỏ ống hay những cây đặng tâm thảo. Bàn tọa của tôi chỉ còn bằng cái móng của con lạc đà. Xương sống tôi cũng như xương chuỗi đặng đặng và cong vào....Khi muốn rờ da bụng thì tôi đặng nhằm xương sống. Và khi muốn rờ xương sống thì tôi đặng nhằm da bụng. Vì thiếu vật thực, da bụng tôi ép sát vào xương sống và lúc muốn đặng dậy đi tiểu tiện thì tôi lưỡng cuống té ngã xuống*”.

Tột đỉnh của xa hoa vật chất, Ngài đã kinh nghiệm rồi, là sự vắng bóng của chân lý giải thoát. Từ trong tận cùng của khổ hạnh, lần này chính bản thân Ngài kinh nghiệm, cũng chẳng tìm thấy chân lý giải thoát. Còn có những thứ khổ hạnh nào hơn thế nữa cần để được kinh nghiệm thêm không? Ngài đã ném trải đủ cả “*dù các đạo sĩ hay các nhà tu khổ hạnh trong quá khứ đã chịu những cảm giác nhức nhối, đau đớn dữ dội hay xót xa như thế nào thì cũng đến mức này là cùng, không thể hơn nữa. Dù các đạo sĩ hay các nhà tu khổ hạnh trong tương lai đã chịu những cảm giác nhức nhối, đau đớn dữ dội hay xót xa như thế nào thì cũng đến mức này là cùng, không thể hơn nữa.*” Và Ngài hoài nghi tự hỏi hay là còn có con đường nào khác dẫn đến chứng ngộ cao thượng. Từ đó Ngài đã tìm ra con đường Trung Đạo.

Trung Đạo là con đường duy nhất dẫn đến sự thực chứng chân lý Chánh đẳng Chánh giác. Trung Đạo là **con đường giữa**. Là con số

không. Là tánh không. Là vô tác. Là vô phân biệt. Là không phải +1 cũng không phải -1. Là không bố thí cũng không phải không-bố-thí. Là không thường tịnh cũng không phải không-thường-tịnh. Là Bát nhã Ba-la-mật cũng không phải Bát nhã Ba-la-mật...

Là con đường giữa của đời sống xa hoa vật chất và đời sống khổ hạnh. Là con đường giữa của tà và chánh. Là con đường giữa của tốt và xấu. Là con đường giữa của đúng và sai. Là con đường giữa của thiện và ác. Là con đường giữa của đạo đức và phi đạo đức. Là con đường giữa của bố thí và không bố thí. Là con đường giữa của đạo và phi thường-đạo. Và ngày nay chúng ta có thể thêm một vế nữa, là con đường giữa của tiểu thừa và đại thừa....

Người đi trên con đường giữa phải cực kỳ cẩn trọng, nếu không biết **phòng hộ ngũ căn**, không biết cảnh giác để nhận thức và tẩy trừ **tham – sân – si vi tế** thì “ngày một xa quê muôn dặm trường” và “tẩu hỏa nhập ma” là điều không có gì đáng ngạc nhiên.

Một đời tu tập có thể chứng ngộ lớn hàng chục lần và chứng ngộ nhỏ hàng trăm lần, tùy trường hợp. Như Archimède một hôm nhảy vào bồn tắm và chợt nghiệm ra cách tính thể tích của cái mao bằng vàng, như Newton nhìn quả táo rơi và khám phá lý thuyết về sức hút của trái đất... Khám phá đó không phải tự dưng mà đến. Đó chính là kết quả của nhiều tháng năm quên ăn, mất ngủ lúc nào cũng canh cánh cái “**công án**” bên lòng cả trong khi đại tiểu tiện. Lúc nào cũng suy tư quán niệm. Để rồi khi mười mấy tỷ tế bào não bộ đã được huy động toàn diện vào cuộc săn tìm ráo riết, săn tìm “full time”, săn tìm “overtime”, săn tìm *toàn thời* không một phút lơ đãng, không phải săn tìm “casual” hay “part-time” chiếu lệ.

Chỉ với quá trình săn tìm ráo riết đó, vào cao điểm tột cùng của nó, ở thời điểm chín muồi của quá trình, một chiếc lá rụng, một cái búng tay, một làn gió thổi... là những chất xúc tác cần có để trái cây lia cành rụng xuống, để chân lý từ những loé sáng nho nhỏ do những thôi thúc được đun nấu tôi luyện qua nhiều tháng nhiều năm nay quện sánh lại thành đại ngộ. Đại ngộ cũng có nhiều màu sắc, thứ bậc thấp cao, sâu cạn, dù có đồng một thể tánh là Phật tánh. Đại ngộ như Đức Phật là chứng ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác và khi giáo lý của một vị Phật còn tồn tại thì không một đức Phật nào khác ra đời.

Đức Thế Tôn, đấng Thiên Nhân Sư, qua bốn mươi lăm năm hoàng pháp, đã dầm mưa dãi nắng, chân trần lặn lội khắp miền đồng quê, núi rừng miền Bắc Ấn, không kiệu võng, không tràng phan, không Mercedès, không nệm ấm chăn bông, không tùy tùng hầu hạ...

Đức Thế Tôn cũng đau yếu, cũng bệnh hoạn, có hôm cũng mệt mỏi không thuyết pháp được và bảo đệ tử giảng dạy thay. Dù Đức Thế Tôn có rất nhiều học trò là Vương tôn Trưởng giả giàu có, nhưng Ngài đã không nhờ đến ngựa voi và xa giá của họ, cũng không nhắc khéo họ cúng dường cho Ngài.

Những ngày cuối đời, tuổi đã tám mươi, sau bữa thọ trai tại nhà cư sĩ



Thuần-Đà ở Pava Ngài lâm trọng bệnh, bệnh kiệt lỵ ra máu trầm trọng. Dù vậy Ngài vẫn cố đi bộ về Kusinara, cách đó hàng mấy ngày đường. Ngài đã chọn Kusinara làm chỗ nhập Niết Bàn.

Không một chữ trong kinh sách đã mô tả rằng trong những ngày đau yếu thập tử nhất sinh đó Ngài đã bảo đệ tử vãng hay kiệu Ngài đi.

Ngài vẫn lần từng bước bên cạnh tôn giả A-Nan-Đa. Thân mang bệnh lỵ. Tuổi hạc 80. Buổi trưa nóng nực, nghỉ chân bên lều đường, khát nước quá, Ngài đã bảo tôn giả A-Nan-Đa đi múc nước sông lên để uống.

Đức Thế Tôn là như thế!

Vào những giờ cuối, Ngài đã ba lần hỏi chư Thánh Tăng xem còn có những thắc mắc nào về Phật – Pháp – Tăng. Không ai đã trả lời là có.

Con đường thoát khổ do Ngài vạch ra đã quá rõ!

Chân lý đã quá sáng ngời không cần gì phải tô son trét phấn để ra vẻ mỹ miều.

Sau 45 năm giảng dạy cho hàng ngàn đệ tử từ Trời đến cõi Người, những lời căn dặn trước giờ chia tay vĩnh viễn chắc chắn không thể nào được xem là hư dối, mà phải được xem là tinh hoa cốt tuỷ của tất cả những tinh hoa cốt tuỷ trong toàn bộ giáo pháp của Ngài.

“Hãy nghe đây, này các đệ tử, Như Lai khuyên các con. **Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường. Hãy tận lực liên tục chuyên cần**” và hãy tìm nơi vắng vẻ, mỗi người hãy tự thấp đức mà đi, mỗi người hãy là hải đảo của chính mình để mỗi người rồi ai cũng được giải thoát.

Đó là những lời cuối cùng của đức Thế tôn trước khi nhập Niết bàn.

Ngày nay dường như chúng ta ý lại nhiều quá.

Chúng ta nhờ ông Thầy thấp đức. Chúng ta nhờ ông Thầy dất tay đi. Chúng ta nhờ ông Thầy làm hải đảo để nương tựa.

Đành rằng tha lực là quan trọng, là cần yếu. Thế nhưng... Phật A-Di-Đà, Bồ tát Thế chí và Quán thế âm ... có tiếp dẫn nhưng sự tiếp dẫn này là sự tiếp dẫn có điều kiện. Các Ngài không thể còng tay chúng ta về A-Di-Đà Tịnh độ chỉ vì một lời tụng nhất tâm!

Các Ngài chỉ đón chúng ta khi tâm chúng ta có thể khế hợp được với cảnh giới của tâm.

Các Ngài không thể nắm tay dắt chúng ta về Tây phương Cực lạc để rồi một chiều buồn nào đó, nhớ vợ, nhớ con, nhớ rượu chè bè bạn, nhớ trà đình tửu điểm chúng ta xúm lại biểu tình đòi Ngài trả về Ta-Bà khổ như những người trên tàu Việt nam Thương tín biểu tình ở Philipine sau ngày 30 - 4 - 75 đòi Cao uỷ Ty nạn đưa về cố quốc.

Đối với các Ngài thời gian một trăm hay một triệu lần sống và chết của chúng ta không thể là một áp lực lớn khi nó thật sự cần thiết để tư tưởng **thoát ly tham – dục** có thời gian kinh nghiệm, thẩm thấu và chín muồi. Có thật sự hành trình tìm lại chính mình mới thấy rằng chúng ta còn có quá nhiều thiếu sót và cần thật nhiều thời gian để xứng đáng được một tòa sen dù thật khiêm nhường trên cõi Tịnh độ.

Trên lộ trình đến Chánh đẳng Chánh giác, không một hạt vi trần nào trong ba ngàn đại thiên thế giới mà trong đó người ta không tìm thấy dấu chân của Đức Thế tôn.

Con xin đánh lễ đấng Thiện Thệ, đấng Điều ngự Trượng phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn!

Mùa Phật Đản năm 2003

MINH THÔNG